

TRƯỜNG THCS VĂN LANG
NHÓM ĐỊA

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
MÔN ĐỊA LÝ 9

NĂM HỌC 2023 – 2024

Nội dung: vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng sông Cửu Long, phát triển tổng hợp và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo.

Hình thức: Trắc nghiệm và tự luận

Thời gian: 45 phút

I. PHẦN TỰ LUẬN

1/ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ.

Từ đó nêu lên thế mạnh kinh tế của vùng

	<i>Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</i>	<i>Thế mạnh kinh tế</i>
Vùng đất liền	- Địa hình thoải. - Đất badan và đất xám. - Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm, nguồn sinh thủy tốt. - Khoáng sản: Bô xít, sét cao lanh, nước khoáng...	- Mặt bằng xây dựng tốt. - Trồng cây công nghiệp và cây ăn quả: cao su, cà phê, hồ tiêu, lạc, mía, sầu riêng, chôm chôm... - Sản xuất vật liệu xây dựng - Phát triển du lịch
Vùng biển	- Biển ấm, ngư trường rộng, hải sản phong phú. - Gần đường hàng hải quốc tế. - Thềm lục địa nông, rộng. - Giàu tiềm năng dầu khí: Thềm lục địa phía nam.	- Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản. - Phát triển GTVT biển. - Dịch vụ: + Xuất nhập khẩu. + Du lịch biển, đảo. - Khai thác dầu mỏ, khí đốt (mỏ Rồng, Bạch Hổ, Rạng Đông, khí ở Lan Đỏ, Lan Tây). .

2/ Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ.

- Dịch vụ là khu vực kinh tế phát triển mạnh và đa dạng ở Đông Nam Bộ.
- Bao gồm: Thương mại, du lịch, bưu chính viễn thông, GTVT, tài chính ngân hàng...
- Là địa bàn có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài.
- Dẫn đầu cả nước trong hoạt động xuất- nhập khẩu.
- TP Hồ Chí Minh:
 - + Là đầu mối giao thông vận tải quan trọng hàng đầu của Đông Nam Bộ và cả nước.
 - + Dẫn đầu hoạt động xuất khẩu của vùng.
 - + Là trung tâm du lịch lớn nhất nước.

3/ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Vùng Đồng Bằng sông Cửu Long.

- Địa hình thấp và khá bằng phẳng thuận lợi để xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội.
- Đất : Diện tích gần 4 triệu ha. Bao gồm đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn. Trong đó, đất phù sa ngọt có diện tích 1,2 triệu ha tạo điều kiện để phát triển cây lúa nước.
- Khí hậu cận xích đạo với số giờ nắng, chế độ nhiệt cao, ổn định, lượng mưa trung bình năm lớn 1300mm – 2000mm.
- Mạng lưới sông ngòi dày đặc, kênh rạch chằng chịt : nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho việc tưới tiêu.
- Sinh vật : thảm thực vật chủ yếu là rừng ngập mặn, về động vật có giá trị hơn cả là cá và

chim.⇒ phát triển du lịch sinh thái.

- Tài nguyên biển hết sức phong phú với nhiều bãi cá và tôm và có hơn nửa triệu ha nước mặt nuôi trồng thủy sản.⇒ phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản

- Khoáng sản : chủ yếu là đá vôi, than bùn, dầu khí ở thềm lục địa bước đầu đã được khai thác cho phát triển công nghiệp.

4/ Dựa vào bảng số liệu sau, vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu kinh tế của Hà Nội , năm 2014

Bảng số liệu cơ cấu kinh tế của Hà Nội năm 2014 (%):

Tổng số	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp- xây dựng	Dịch vụ
100	4,7	41,6	53,7

Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu kinh tế của Hà Nội và nhận xét.

II. TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Câu 1: Đông Nam Bộ bao gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 2: Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp biển ở Đông Nam Bộ:

- A. Bình Dương, Bình Phước. B. TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.
C. Tây Ninh, Đồng Nai. D. Đồng Nai, Bình Dương.

Câu 3: Vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với các vùng nào sau đây?

- A. Vùng Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.
B. Vùng Đông Bắc, vùng Tây Bắc, đồng bằng sông Cửu Long.
C. Vùng Bắc Trung Bộ, vùng Tây Bắc, đồng bằng sông Cửu Long.
D. Vùng đồng bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4: Lưu vực sông nào có tầm quan trọng đặc biệt với Đông Nam Bộ?

- A. Lưu vực sông Hồng C. Lưu vực sông Đồng Nai.
B. Lưu vực sông Thái Bình. D. Lưu vực sông Cả.

Câu 5: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là:

- A. Đất xám và đất phù sa. C. Đất phù sa và đất feralit.
B. Đất badan và đất feralit. D. Đất badan và đất xám.

Câu 6: Ba trung tâm kinh tế quan trọng nhất của Đông Nam Bộ là:

- A. TP Hồ Chí Minh, Đồng Xoài, Biên Hòa
B. TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Tây Ninh
C. TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu
D. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa

Câu 7: Đặc điểm nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao.
- B. Thị trường tiêu nhỏ do đời sống nhân dân ở mức cao.
- C. Lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- D. Có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

Câu 8: Các di tích lịch sử, văn hóa ở Đông Nam Bộ là:

- A. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Nhà tù Côn Đảo.
- B. Bến Cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, Thánh địa Mỹ Sơn.
- C. Địa đạo Củ Chi, Nhà tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An.
- D. Nhà tù Côn Đảo, Phố cổ Hội An, Bến Cảng Nhà Rồng.

Câu 9: Khoáng sản quan trọng nhất ở Đông Nam Bộ là:

- A. Than
- B. Đồng
- C. Dầu khí
- D. Vàng

Câu 10: Tỉnh (thành phố) nào sau đây không thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long?

- A. Sóc Trăng
- B. Cà Mau
- C. Tây Ninh
- D. Đồng Tháp

Câu 11: Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Khí hậu nóng quanh năm.
- B. Diện tích đất phèn, đất mặn lớn.
- C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- D. Khoáng sản không nhiều.

Câu 12: Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ đâu đến đâu?

- A. TP.Móng Cái (Quảng Ninh) đến Vũng Tàu
- B. Mũi Cà Mau đến TP. Hà Tiên (Kiên Giang)
- C. TP.Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
- D. TP.Móng Cái (Quảng Ninh) đến TP. Hà Tiên (Kiên Giang)

Câu 13: Đảo lớn nhất trong hệ thống các đảo ở Việt Nam là

- A. Phú Quý
- B. Cát Bà
- C. Phú Quốc
- D. Côn Đảo.

Câu 14: Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết biển Mũi Né thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Bình Thuận.
- C. Đà Nẵng.
- D. Phú Yên.

Câu 15: Chiều dài đường bờ biển nước ta là bao nhiêu?

- A. 3 160 km
- B. 3. 460 km
- C. 3. 260km
- D. 2. 360 km

Câu 16: Nước ta có bao nhiêu hòn đảo?

- A. 2000
- B. 4000
- C. 7000
- D. 5000

Câu 17: Một trong những hoạt động đang được ưu tiên của ngành thủy sản nước ta hiện nay là:

- A. Phát triển khai thác hải sản xa bờ.
- B. Tập trung khai thác hải sản ven bờ.

C. Đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. D. Hình thành các cảng cá dọc bờ biển.

Câu 18: Du lịch biển của nước ta hiện nay mới chỉ chủ yếu tập trung khai thác hoạt động nào?

A. Thể thao trên biển. B. Lặn biển. C. Tắm biển. D. Khám phá các đảo.

Câu 19: Khoáng sản vô tận ở biển nước ta là khoáng sản nào?

A. Dầu khí B. Muối C. Titan D. Cát thủy tinh

Câu 20: Đâu không phải là phương hướng để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển?

A. Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có. B. Bảo vệ và phát triển nguồn thủy sản.
C. Phòng chống ô nhiễm biển. D. Tiếp tục khai thác nhiều khoáng sản biển.

Câu 21: Nhà máy lọc dầu đầu tiên của nước ta là nhà máy nào?

A. Nhà máy lọc dầu Dung Quất C. Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.
B. Nhà máy lọc dầu Bình Sơn. D. Cả A,B,C đều sai.

Câu 22: Nhà máy lọc dầu đầu tiên của nước ta được xây dựng ở tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Quảng Ngãi. B. Đà Nẵng. C. Thanh Hóa. D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 23: Các ngư trường lớn ở nước ta là các ngư trường nào ?

A. Cà Mau – Kiên Giang, ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu.
B. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa.
C. Cà Mau – Kiên Giang, ngư trường quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa.
D. Cà Mau – Kiên Giang, ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh và ngư trường quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa.

Câu 24: Nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố giáp biển?

B. 10 B. 15 C. 20 D. 28

Câu 25: Vùng biển nước ta có diện tích là bao nhiêu?

A. Khoảng 1 triệu km². B. Khoảng 2 triệu km².
C. Khoảng 3 triệu km². D. Khoảng 4 triệu km².

Câu 26: Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh/thành phố nào?

A. Tỉnh Khánh Hòa. B. Tỉnh Bình Thuận.
C. Tỉnh Cà Mau D. Tỉnh Hà Giang.

Câu 27: Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào?

A. Tỉnh Khánh Hòa. B. Tỉnh Bình Thuận.
C. Thành phố Đà Nẵng D. Tỉnh Hà Giang.

HẾT